



Happy  
New Year



2023

Chúc Mừng Năm Mới



Chúc Mừng Năm Mới

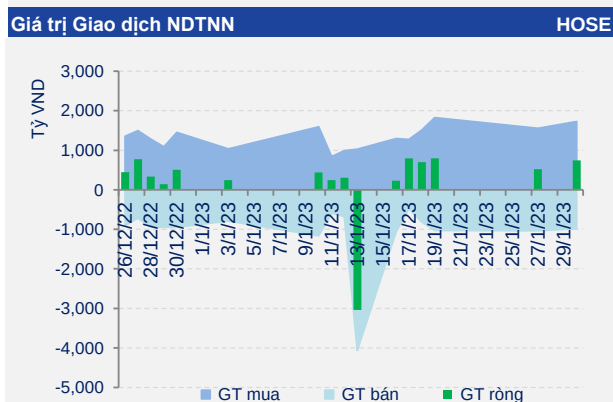
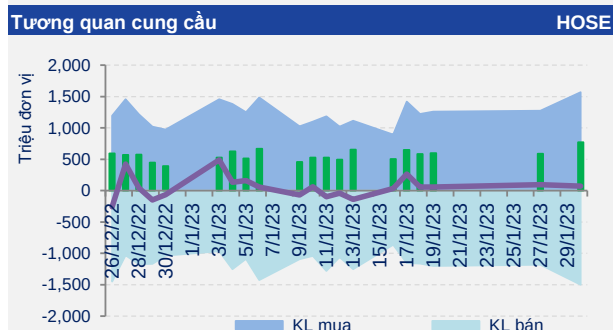
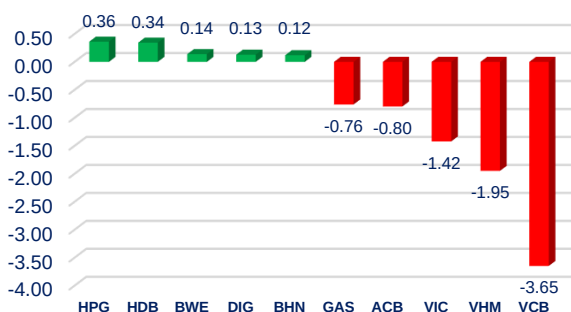
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/1/2023

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,102.57      | 220.78      |
| % Thay đổi          | ↓ -1.30%      | ↑ 0.01%     |
| KLGD (CP)           | 772,274,756   | 108,085,603 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 13,618.09     | 1,569.14    |
| Tổng cung (CP)      | 1,499,067,000 | 145,857,500 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,568,573,868 | 149,429,400 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 30,470,700 | 242,966   |
| KL mua (CP)       | 68,108,100 | 1,138,736 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,730.16   | 31.49     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 984.53     | 4.74      |
| GT ròng (tỷ đồng) | 745.63     | 26.75     |


**CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX**


## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 14,53 điểm (-1,3%), xuống 1.102,57 điểm; HNX-Index tăng 0,02 điểm (+0,01%) lên 220,78 điểm. Độ rộng toàn thị trường nghiêng về tích cực với 502 mã tăng và 404 mã giảm. Sắc đỏ áp đảo trong rổ VN30 (-1,48%) với 22 mã giảm, 6 mã tăng và 2 mã tham chiếu.

Thanh khoản ghi nhận ở mức cao, khối lượng giao dịch của VN-Index đạt 799 triệu đơn vị, với giá trị đạt 13,6 ngàn tỷ; HNX-Index đạt 108 triệu đơn vị, với giá trị gần 1,6 ngàn tỷ.

VN-Index bắt đầu cho thấy sự suy yếu rõ nét trong phiên chiều khi nhiều cổ phiếu Large Cap chịu áp lực bán lớn và đồng loạt giảm như VCB (-3,3%) lấy đi 3,563 điểm, VHM (-3,4%) lấy đi 1,639 điểm, VIC (-2,5%) lấy đi 0,957 điểm của chỉ số. Ngược lại, HPG (+1,2%), HDB (+2,8%) và REE (+1,4%) là những mã tác động tích cực nhất nhưng mức đóng góp là không nhiều với chỉ 1,136 điểm.

HNX-Index cũng chịu chung xu hướng khi đánh mất gần như toàn bộ mức tăng điểm của phiên sáng. Ở chiều giảm, KSF (-2,2%), IDC (-2,7%), PVS (-2,4%) là những mã ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số khi lấy đi 1,109 điểm. Ngược lại, sắc xanh của các cổ phiếu khác như VIF (+8,2%), VNR (+7,3%), HUT (+3,8%) giúp cân bằng số điểm giảm.

Ngân hàng là ngành giao dịch tiêu cực nhất thị trường khi có 18/20 mã giảm. Trong đó, ACB (-3,6%), VCB (-3,3%), EIB (-3,5%), LPB (-3,3%), STB (-3%)... là những cổ phiếu ngân hàng giảm mạnh nhất. Ngược lại, BAB (+1,4%) và HDB (+3,1%) là hai mã tăng duy nhất.

Ngoài ra, nhiều nhóm ngành như sản phẩm cao su, vận tải - kho bãi, bất động sản, bán buôn, thiết bị điện, khai khoáng... cũng có diễn biến kém tích cực.

Về giao dịch của khối ngoại, khối này mua ròng 745,81 tỷ trên sàn HOSE, tập trung tại các mã FUEVFVND (279,6 tỷ) và HPG (248,4 tỷ). Trên sàn HNX, khối ngoại mua ròng hơn 26,73 tỷ, trong đó IDC được mua ròng nhiều nhất với giá trị 20,1 tỷ.

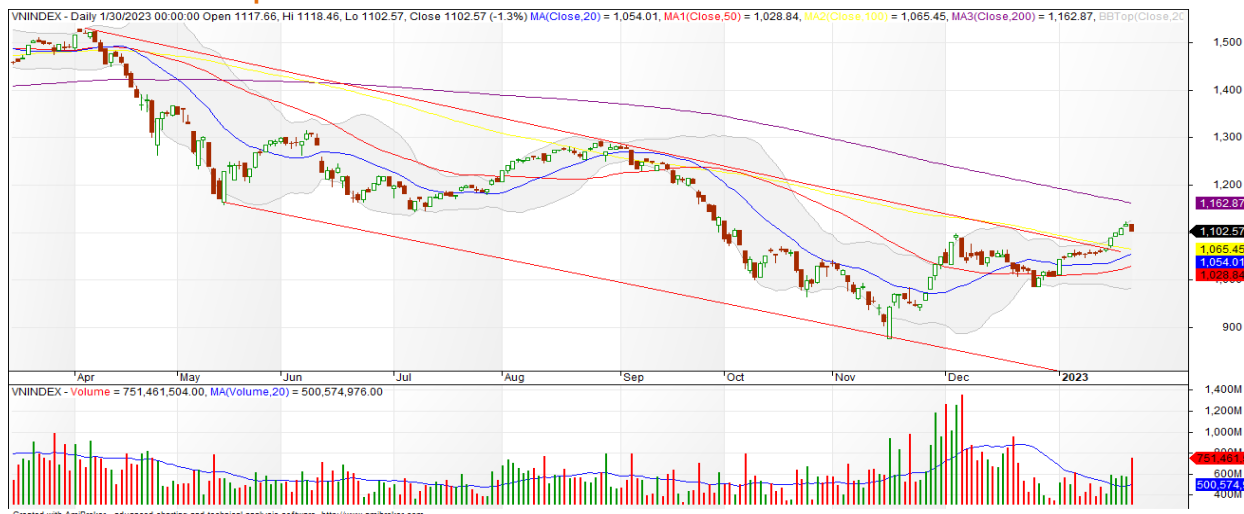
Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 1/2023 giảm mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó nới rộng mức chênh lệch âm lên thành -4,15 điểm. Điều này cho thấy là tâm lý của các trader đã trở nên thận trọng hơn trong bối cảnh hiện tại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/1/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-INDEX điều chỉnh sau tám phiên tăng điểm liên tiếp. Thanh khoản gia tăng so với các phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này cho thấy là áp lực bán ra trong phiên hôm nay là khá mạnh thể hiện tâm lý chốt lời từ các nhà đầu tư.

Với phiên điều chỉnh hôm nay thì bức tranh kỹ thuật của VN-INDEX vẫn chưa có gì thay đổi khi chỉ số này tiếp tục kết phiên trên các vùng hỗ trợ quan trọng lần lượt là 1.030-1.055 điểm (MA20-50) và cả ngưỡng 1.065 điểm (MA100). Chúng tôi kỳ vọng, trong phiên giao dịch tiếp theo, lực cầu gia tăng tại các vùng giá thấp có thể giúp cho thị trường hồi phục trở lại với mục tiêu tiếp theo là ngưỡng kháng cự quanh 1.160 điểm (MA200).

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giao dịch đầu năm Quý Mão khá tích cực, thị trường điều chỉnh trong phiên khởi đầu tuần mới hôm nay 30/01/2023, chốt phiên VNINDEX giảm -14,53 điểm (-1,30%) với khối lượng tiếp tục gia tăng mạnh so với trung bình 20 phiên. Xét về tổng thể xu hướng thị trường trong thời gian qua thì việc VNINDEX điều chỉnh là không bất ngờ bởi trong những tuần đầu năm dương lịch thị trường đã bùng nổ thoát khỏi downtrend và tăng điểm chưa có điều chỉnh, do đó thị trường cần những phiên điều chỉnh để tích lũy thêm, củng cố sức mạnh.

VNINDEX chốt phiên ở 1.102,57 điểm và đang vượt khá xa ngưỡng hỗ trợ 1.000 điểm, giai đoạn hiện tại thị trường đang vận động trong sóng hồi (chưa phải uptrend) và chúng tôi kỳ vọng sau các phiên điều chỉnh VNINDEX sẽ hướng tới mục tiêu 1.150 điểm. Theo góc nhìn ngắn hạn, các phiên điều chỉnh có thể còn xuất hiện tiếp theo và đó là cơ hội để nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục mua vào gia tăng tỷ trọng.

Với góc nhìn trung - dài hạn, cơ hội gia tăng tỷ trọng liên tục xuất hiện trong thời gian qua và chúng tôi cũng đã kịp thời liên tục khuyến nghị nhà đầu tư giải ngân. Thị trường chuyển đổi trạng thái tích cực sẽ còn tạo ra các cơ hội gia tăng tỷ trọng cổ phiếu, các nhà đầu tư trung, dài hạn hoàn toàn có thể gia tăng tỷ trọng trong các đợt điều chỉnh của thị trường như phiên hôm nay. Hướng giải ngân vẫn là tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu dẫn đầu ngành và vẫn duy trì được tăng trưởng lợi nhuận và tiếp tục có kỳ vọng tăng trưởng trong năm tới và tận dụng các phiên thị trường điều chỉnh giảm điểm để giải ngân.

Thị trường khởi đầu năm âm lịch với một phiên tăng điểm và một phiên điều chỉnh khá mạnh, tuy nhiên theo phân tích của chúng tôi năm 2023 có thể sẽ là một năm tích cực của thị trường chứng khoán, thị trường đã thoát downtrend và đi vào vùng hồi phục và tích lũy trước khi tạo đủ nền để hình thành uptrend thực sự, tuy nhiên cơ hội thị trường tạo ra đang hiện hữu và khá tin cậy đối với các trường phái đầu tư ngắn, trung - dài hạn. Các giai đoạn điều chỉnh của thị trường sẽ tạo ra cơ hội giải ngân tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/1/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                    |                    | Điều kiện giải ngân    |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|------------------------|
|     |                          |                               |                           |                         | P/E             | T.trường Doanh thu | T.trường Lợi nhuận |                        |
| IDC | 39.20                    | 37-38                         | 45-47                     | 30                      | 6.2             | 127.8%             | 150.5%             | Theo dõi chờ giải ngân |
| HT1 | 13.80                    | 11-12                         | 14.5-15                   | 10                      | 20.1            | 26.2%              | -29.1%             | Theo dõi chờ giải ngân |
| GMD | 51.60                    | 46-48.5                       | 57-59                     | 43                      | 15.6            | 36.1%              | 92.9%              | Theo dõi chờ giải ngân |
| CSV | 33.10                    | 30-33                         | 40-42                     | 28                      | 4.1             | 33.5%              | 68.8%              | Theo dõi chờ giải ngân |
| FRT | 74.10                    | 69-72                         | 84-87                     | 64                      | 13.9            | 54.4%              | 78.2%              | Theo dõi chờ giải ngân |
| CTR | 60.90                    | 56-59                         | 78-80                     | 52                      | 15.7            | 25.8%              | 18.4%              | Theo dõi chờ giải ngân |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 18/11/2022     | PVS | 24.60                    | 17.50               | 26-28                     | 23                      | 40.57%              | Nắm giữ                    |
| 5/12/2022      | LPB | 14.50                    | 12.40               | 15-15.5                   | 13.5                    | 16.94%              | Nắm giữ                    |
| 28/12/2022     | DPG | 34.80                    | 26.55               | 33-35                     | 32                      | 31.07%              | Nắm giữ                    |
| 1/3/2023       | ANV | 30.55                    | 23.20               | 35-37                     | 29                      | 31.68%              | Nắm giữ                    |
| 1/4/2023       | IDC | 39.20                    | 35.00               | 45-47                     | 37                      | 12.00%              | Nắm giữ                    |
| 1/6/2023       | CLX | 13.81                    | 13.10               | 16.5-17                   | 13                      | 5.39%               | Nắm giữ                    |
| 1/10/2023      | ACB | 25.40                    | 23.10               | 29-30                     | 24                      | 9.96%               | Nắm giữ                    |
| 1/10/2023      | EVF | 8.53                     | 8.23                | 10-10.5                   | 8.2                     | 3.65%               | Nắm giữ                    |
| 1/11/2023      | HCM | 24.30                    | 22.75               | 28-29                     | 22                      | 6.81%               | Nắm giữ                    |
| 17/1/2023      | MBB | 19.25                    | 18.80               | 23-25                     | 18                      | 2.39%               | Nắm giữ                    |
| 18/1/2023      | DBC | 16.70                    | 15.90               | 21-22                     | 15                      | 5.03%               | Nắm giữ                    |
| 18/1/2023      | GMD | 51.60                    | 48.05               | 57-59                     | 48                      | 7.39%               | Nắm giữ                    |
| 19/1/2023      | CSV | 33.10                    | 32.20               | 40-42                     | 29                      | 2.80%               | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ**

**Tháng đầu năm 2023, ước xuất siêu 3,6 tỷ USD**

Tổng cục Thống kê vừa cho biết, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 1/2023 so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước đều giảm.

**Thủ tướng Phạm Minh Chính kiểm tra Dự án cao tốc khu vực ĐBSCL**

Sáng nay 30/1, Thủ tướng Phạm Minh Chính cùng đoàn công tác của Chính phủ kiểm tra thực địa Dự án cao tốc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, thăm động viên chúc tết người lao động trên công trường.

**Hóa giải khó khăn để phát triển**

Năm 2023 là năm bản lề của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Nền kinh tế cần nhiều hơn nữa những giải pháp hỗ trợ để hóa giải khó khăn, thách thức và hồi phục, tăng trưởng mạnh mẽ.

**Trợ lực mạnh mẽ cho doanh nghiệp**

Cộng đồng doanh nghiệp đề xuất, hiến kế nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy thị trường, từ đó phục hồi sản xuất - kinh doanh

**Tháo gỡ khó khăn tín dụng bất động sản; khẩn trương trình dự thảo Nghị định về trái phiếu doanh nghiệp**

Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Ngân hàng Nhà nước rà soát, có biện pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn về tín dụng bất động sản.

**3 nhóm việc ưu tiên ở dự án sân bay Long Thành**

Tinh thần đã nói là phải làm, đã cam kết phải thực hiện. Thực hiện phải có hiệu quả, có thể đo đếm được - Thủ tướng yêu cầu.

**Tháng 1/2023: 30 địa phương có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng**

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2023 so với cùng kỳ năm trước giảm ở 30 địa phương và tăng ở 33 địa phương trên phạm vi cả nước.

**Xây dựng tập đoàn kinh tế-quốc phòng hàng đầu Việt Nam về kinh tế biển và logistics, tự tin vươn tầm khu vực và thế giới**

Thủ tướng đề nghị Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn hướng tới mục tiêu trở thành "Tập đoàn kinh tế-quốc phòng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế biển và dịch vụ logistics; thương hiệu uy tín, chất lượng toàn cầu"; tự tin vươn lên, cạnh tranh ngang tầm các cảng biển lớn trong khu vực và trên thế giới.

**Bộ Giao thông ủng hộ Bình Phước quy hoạch sân bay chuyên dùng Hớn Quản**

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) cho biết ủng hộ việc Bình Phước quy hoạch sân bay Hoán Quản thành sân bay chuyên dùng phục vụ mục tiêu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội.

**Doanh nghiệp nỗ lực “giữ chân” người lao động**

Chia việc đều cho các công nhân, bảo đảm thu nhập để giữ chân công nhân lao động là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu hiện nay của nhiều doanh nghiệp.



**TIN CHỨNG KHOÁN**

**Bia Hà Nội báo lãi quý 4/2022 gấp hơn 5 lần cùng kỳ**

Lũy kế cả năm 2022, Habeco (BHN) lãi trước thuế 655 tỷ đồng - tăng 59% so với năm 2021.

**Thủ tướng yêu cầu sớm hoàn thiện dự thảo Nghị định 65 sửa đổi**

Trong chỉ thị mới đây, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ yêu cầu Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 65 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

**PVI báo lãi quý 4/2022 gấp 2,5 lần cùng kỳ**

Lũy kế cả năm 2022, PVI ghi nhận 1.109 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, hoàn thành vượt 22% mục tiêu đề ra.

**Lộ diện các doanh nghiệp lỗ lớn năm 2022**

Hàng không, bất động sản, chứng khoán góp nhiều cái tên vào danh sách thua lỗ lớn trong năm 2022.

**Lợi nhuận quý 4 tăng mạnh, Nam Mê Kông (VC3) lãi kỷ lục năm 2022**

Năm 2022, VC3 ghi nhận doanh thu hơn 514 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 80,6 tỷ đồng, lần lượt tăng 157% và 32% so với thực hiện năm 2021.

**Hậu Covid-19, doanh nghiệp chuyên sản xuất khẩu trang y tế báo lỗ gần 40 tỷ đồng**

Theo giải trình từ phía công ty, quý 4 năm 2022 dịch bệnh đã được kiểm soát nên doanh thu từ các mặt hàng chống dịch giảm mạnh khiến doanh thu toàn tổng công ty giảm.

**Đạm Hà Bắc lãi kỷ lục gần 1.800 tỷ đồng trong năm 2022**

Số lãi khổng lồ này giúp công ty giảm lỗ lũy kế xuống dưới 3.000 tỷ đồng, chỉ còn âm vốn chủ sở hữu hơn 252 tỷ đồng.

**Dabaco (DBC) bất ngờ báo lỗ kỷ lục 79 tỷ đồng trong quý 4/2022, biên lợi nhuận gộp giảm mạnh còn 5%**

Tuy vậy, mới đây Dabaco công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với mục tiêu doanh số lên đến 1 tỷ USD (cụ thể là 24.562 tỷ đồng doanh thu) và 569 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

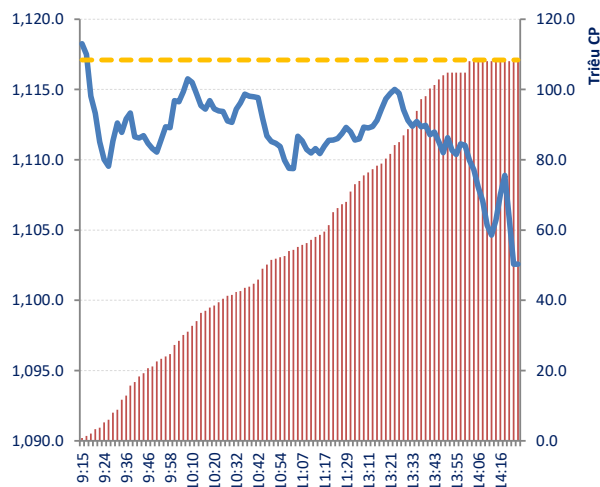
**Vincom Retail (VRE) báo lãi gấp đôi, đạt hơn 2.700 tỷ đồng trong năm 2022, vượt 14% kế hoạch**

Vincom Retail ghi nhận 7.309 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.735 tỷ đồng, tăng 108% so với cùng kỳ năm trước và đạt 114% kế hoạch cả năm.

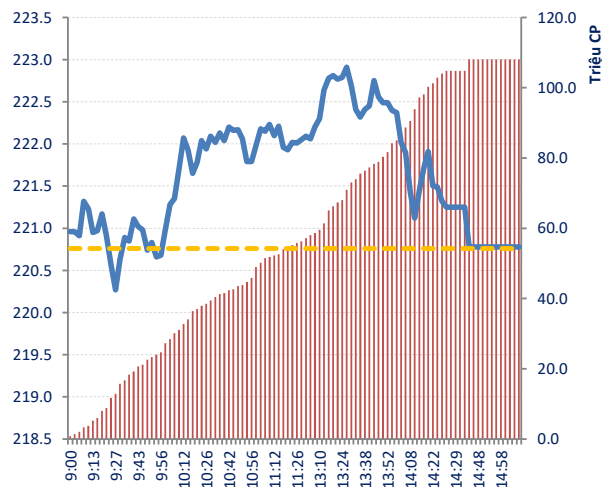


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

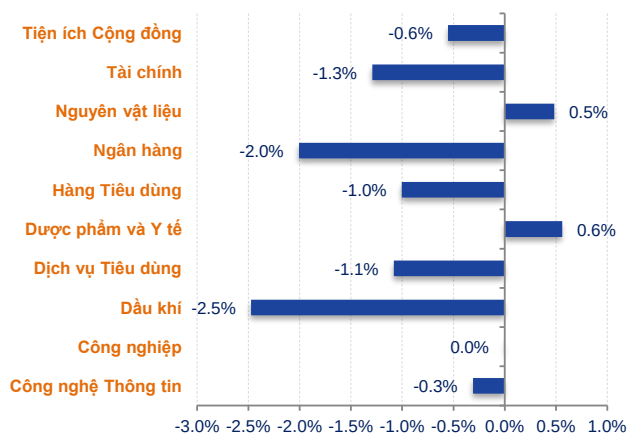
KLGD và VN-Index trong phiên



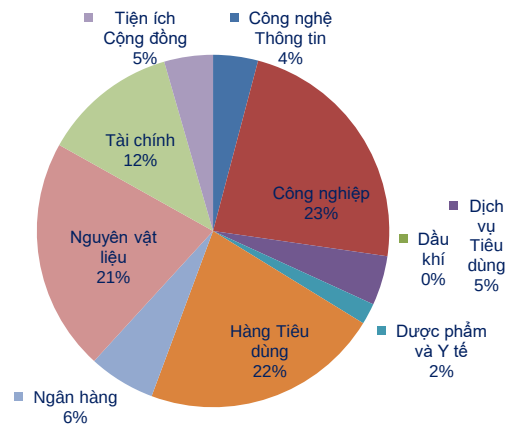
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



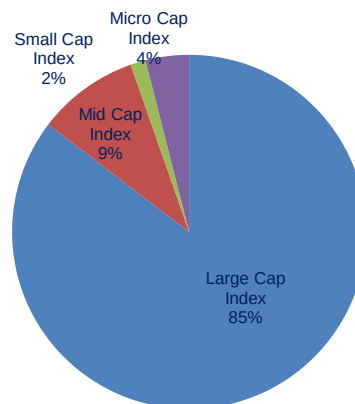
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK    | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1  | FUEVFVND | 11,390,600  | DGC   | 585,500     |
| 2  | HPG      | 11,304,600  | KDC   | 390,700     |
| 3  | SSI      | 3,361,200   | NT2   | 296,300     |
| 4  | VND      | 3,012,900   | VNM   | 283,600     |
| 5  | HDB      | 2,586,900   | PTB   | 277,500     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | IDC   | 500,036     | MBS   | 21,401      |
| 2  | SHS   | 149,000     | PVB   | 10,000      |
| 3  | PVS   | 60,600      | DXP   | 8,000       |
| 4  | PLC   | 57,500      | LHC   | 3,300       |
| 5  | CEO   | 43,000      | BTS   | 3,024       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 21.50      | 21.75    | ↑ 1.16%  | 42,541,300 |
| SHB | 11.20      | 10.90    | ↓ -2.68% | 36,299,300 |
| VND | 16.30      | 16.25    | ↓ -0.31% | 25,731,200 |
| VPB | 19.70      | 19.25    | ↓ -2.28% | 24,169,000 |
| SSI | 20.95      | 21.00    | ↑ 0.24%  | 19,239,700 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 9.70       | 9.70     | → 0.00%  | 25,255,730 |
| CEO | 22.10      | 22.80    | ↑ 3.17%  | 12,141,161 |
| PVS | 25.20      | 24.60    | ↓ -2.38% | 8,105,645  |
| HUT | 16.00      | 16.60    | ↑ 3.75%  | 7,609,458  |
| IDC | 40.30      | 39.20    | ↓ -2.73% | 3,733,131  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| SC5 | 20.00      | 21.40    | 1.40 | ↑ 7.00% |
| HU1 | 7.00       | 7.49     | 0.49 | ↑ 7.00% |
| BCE | 6.00       | 6.42     | 0.42 | ↑ 7.00% |
| TNC | 48.60      | 52.00    | 3.40 | ↑ 7.00% |
| TLD | 3.29       | 3.52     | 0.23 | ↑ 6.99% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| VLA | 58.00      | 63.80    | 5.80 | ↑ 10.00% |
| CTT | 14.00      | 15.40    | 1.40 | ↑ 10.00% |
| PPY | 8.00       | 8.80     | 0.80 | ↑ 10.00% |
| TVC | 5.00       | 5.50     | 0.50 | ↑ 10.00% |
| PCG | 6.00       | 6.60     | 0.60 | ↑ 10.00% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| PAC | 33.85      | 31.50    | -2.35 | ↓ -6.94% |
| CVT | 39.70      | 36.95    | -2.75 | ↓ -6.93% |
| HOT | 26.05      | 24.30    | -1.75 | ↓ -6.72% |
| EMC | 12.55      | 11.75    | -0.80 | ↓ -6.37% |
| BTT | 33.85      | 31.70    | -2.15 | ↓ -6.35% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| VHL | 25.00      | 22.50    | -2.50 | ↓ -10.00% |
| VCC | 15.30      | 13.80    | -1.50 | ↓ -9.80%  |
| PSE | 13.70      | 12.40    | -1.30 | ↓ -9.49%  |
| SGC | 86.00      | 78.00    | -8.00 | ↓ -9.30%  |
| KKC | 8.80       | 8.00     | -0.80 | ↓ -9.09%  |

(\*) Giá điều chỉnh





## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 42,541,300 | 18.5% | 3,079 | 7.0  | 1.3 |
| SHB | 36,299,300 | 21.0% | 2,711 | 4.1  | 0.7 |
| VND | 25,731,200 | 17.0% | 2,092 | 7.8  | 1.4 |
| VPB | 24,169,000 | 19.2% | 2,742 | 7.2  | 0.9 |
| SSI | 19,239,700 | 9.3%  | 1,367 | 15.3 | 1.4 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHS | 25,255,730 | 25.5% | 961   | 10.1 | 0.8 |
| CEO | 12,141,161 | 8.8%  | 1,210 | 18.3 | 1.6 |
| PVS | 8,105,645  | 6.1%  | 1,617 | 15.6 | 0.9 |
| HUT | 7,609,458  | 7.5%  | 886   | 18.1 | 1.4 |
| IDC | 3,733,131  | 36.2% | 6,373 | 6.3  | 2.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| SC5 | ↑ 7.0% | 6.6%   | 1,508   | 13.3 | 0.9 |
| HU1 | ↑ 7.0% | 2.9%   | 432     | 16.2 | 0.5 |
| BCE | ↑ 7.0% | -10.5% | (1,120) | -    | 0.6 |
| TNC | ↑ 7.0% | 15.2%  | 2,692   | 18.1 | 2.7 |
| TLD | ↑ 7.0% | 2.3%   | 249     | 13.2 | 0.3 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS     | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|-----|-----|
| VLA | ↑ 10.0% | 53.3% | 6,077   | 9.5 | 5.0 |
| CTT | ↑ 10.0% | 17.5% | 2,361   | 5.9 | 1.0 |
| PPY | ↑ 10.0% | 16.6% | 2,649   | 3.0 | 0.5 |
| TVC | ↑ 10.0% | -6.5% | (1,308) | -   | 0.3 |
| PCG | ↑ 10.0% | -0.3% | (25)    | -   | 0.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã      | KL mua     | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|---------|------------|-------|-------|------|-----|
| FUEFVND | 11,390,600 | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| HPG     | 11,304,600 | 18.5% | 3,079 | 7.0  | 1.3 |
| SSI     | 3,361,200  | 9.3%  | 1,367 | 15.3 | 1.4 |
| VND     | 3,012,900  | 17.0% | 2,092 | 7.8  | 1.4 |
| HDB     | 2,586,900  | 22.1% | 2,996 | 5.9  | 1.0 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| IDC | 500,036 | 36.2% | 6,373 | 6.3  | 2.1 |
| SHS | 149,000 | 25.5% | 961   | 10.1 | 0.8 |
| PVS | 60,600  | 6.1%  | 1,617 | 15.6 | 0.9 |
| PLC | 57,500  | 8.9%  | 1,488 | 18.8 | 1.7 |
| CEO | 43,000  | 8.8%  | 1,210 | 18.3 | 1.6 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VCB | 440,124 | 22.0% | 5,582 | 16.7  | 3.4 |
| VHM | 232,088 | 23.5% | 7,265 | 7.3   | 1.7 |
| VIC | 225,785 | 0.6%  | 214   | 276.3 | 1.7 |
| BID | 225,357 | 17.5% | 3,207 | 13.9  | 2.2 |
| GAS | 207,089 | 23.9% | 7,058 | 15.3  | 3.6 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KSF | 19,050  | 6.8%  | 1,475 | 43.0 | 2.8 |
| THD | 14,700  | 12.6% | 2,214 | 19.0 | 2.5 |
| IDC | 13,299  | 36.2% | 6,373 | 6.3  | 2.1 |
| PVS | 12,045  | 6.1%  | 1,617 | 15.6 | 0.9 |
| PVI | 11,712  | 3.8%  | 1,304 | 38.3 | 1.5 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE  | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|------|-------|-------|-----|
| PET | 3.04 | 8.9% | 1,800 | 11.6  | 0.9 |
| DXG | 2.83 | 5.9% | 1,380 | 10.2  | 0.6 |
| TDC | 2.82 | 2.8% | 350   | 33.8  | 1.0 |
| LDG | 2.77 | 0.1% | 16    | 292.8 | 0.4 |
| BCG | 2.74 | 3.1% | 667   | 11.2  | 0.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| L14 | 4.46 | 3.3%  | 615   | 89.7 | 4.2 |
| CEO | 3.69 | 8.8%  | 1,210 | 18.3 | 1.6 |
| APS | 3.57 | 10.4% | 1,598 | 6.5  | 0.8 |
| API | 3.42 | 22.0% | 2,340 | 4.5  | 1.0 |
| IDJ | 3.35 | 11.7% | 1,309 | 7.1  | 0.8 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)